

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
GIỮA NIÊN ĐỘ**

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ I.P.A**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến 30/06/2017  
(đã được soát xét)



## NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Hội đồng quản trị	02 - 03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04
Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét	05 - 49
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	05 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	09 - 10
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	11 - 49



## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đầu tư I.P.A (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến 30/06/2017.

### CÔNG TY

Công ty CP Tập đoàn Đầu tư I.P.A được thành lập ngày 28/12/2007 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103021608 với số vốn điều lệ đăng ký là 600 tỷ đồng trên cơ sở chuyển đổi từ Công ty TNHH Đầu tư và Tài chính I.P.A - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 042493 do Sở kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 9/3/1998.

Ngày 31/12/2007, Công ty CP Tập đoàn Đầu tư I.P.A nhận sáp nhập với Công ty CP Đầu tư I.P.A theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103010725 do Sở kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 19/1/2006 với tỷ lệ sáp nhập là 1:1. Tại thời điểm nhận sáp nhập, vốn điều lệ thực góp của Công ty CP Tập đoàn Đầu tư I.P.A là 426.647.450.000 đồng, vốn điều lệ của Công ty CP Đầu tư I.P.A là 173.352.550.000 đồng, thặng dư vốn là 370,876 tỷ đồng. Sau khi sáp nhập thì vốn điều lệ của Công ty CP Tập đoàn Đầu tư I.P.A vẫn giữ nguyên là 600 tỷ đồng và thặng dư vốn phát sinh là 370,867 tỷ đồng.

Ngày 20/11/2008, Công ty CP Tập đoàn Đầu tư I.P.A nhận sáp nhập với Công ty CP Các đối tác Tài chính I.P.A theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 01030225325 do Sở kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 22/02/2008 với tỷ lệ sáp nhập là 1:1. Tại thời điểm nhận sáp nhập, vốn điều lệ thực góp của Công ty CP Tập đoàn Đầu tư I.P.A là 600.000.000.000 đồng và vốn điều lệ thực góp của Công ty CP Các đối tác Tài chính I.P.A là 59.999.800.000 đồng và do một cổ đông duy nhất là Công ty CP Tập đoàn Đầu tư I.P.A thực hiện góp vốn. Khi nhận sáp nhập thì Công ty CP Tập đoàn Đầu tư I.P.A không phát hành thêm cổ phần mới, vốn điều lệ của Công ty vẫn giữ nguyên là 600 tỷ đồng.

Ngày 14/02/2017, Công ty đăng ký thay đổi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 7, theo đó vốn điều lệ của Công ty tăng từ 600.000.000.000 đồng lên 890.982.480.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 1, phố Nguyễn Thượng Hiền, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông	Vũ Hiền	Chủ tịch	
Bà	Phạm Minh Hương	Thành viên	
Bà	Đỗ Thanh Hương	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 31/05/2017)
Ông	Vũ Hoàng Việt	Thành viên	
Bà	Lê Hương Mai	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 31/05/2017)
Bà	Nguyễn Ngọc Thanh	Thành viên	(Bỏ nhiệm ngày 31/05/2017)
Bà	Vũ Nam Hương	Thành viên	(Bỏ nhiệm ngày 31/05/2017)

Thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông	Vũ Hiền	Tổng Giám Đốc
-----	---------	---------------

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà	Nguyễn Thị Hồng Khánh	Trưởng ban	(Miễn nhiệm ngày 31/05/2017)
Bà	Nguyễn Thị Kim Ngọc	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 31/05/2017)
Ông	Vương Văn Tường	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 31/05/2017)

## KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho Công ty.

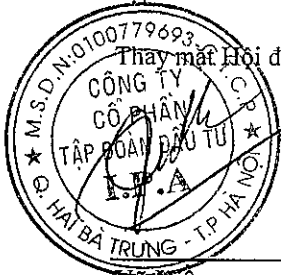
### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Hội đồng quản trị Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Hội đồng quản trị Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Hội đồng quản trị Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp.



Vũ Hiền

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Hà Nội, ngày 25 tháng 08 năm 2017



Số: 2088/2017/BC.KTTC-AASC.KT6

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý cổ đông và Hội đồng quản trị  
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đầu tư I.P.A**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đầu tư I.P.A được lập ngày 25 tháng 08 năm 2017, từ trang 5 đến trang 49, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### Trách nhiệm của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

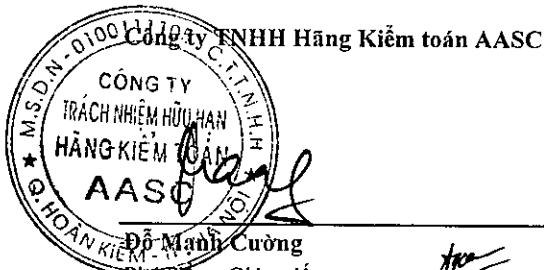
### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đầu tư I.P.A tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**Đỗ Mạnh Cường**  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0744-2013-002-1  
Hà Nội, ngày 25 tháng 08 năm 2017

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

Mã số TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2016
		VND	(Đã phân loại lại) VND
<b>100 A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>861.683.051.555</b>	<b>436.010.677.734</b>
110 I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	66.623.276.597	96.715.227.231
111 1. Tiền		55.123.276.597	35.461.008.897
112 2. Các khoản tương đương tiền		11.500.000.000	61.254.218.334
120 II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	10.364.499.500	44.993.486.586
121 1. Chứng khoán kinh doanh		4.014.499.500	38.643.486.586
123 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		6.350.000.000	6.350.000.000
130 III. Các khoản phải thu ngắn hạn		763.099.693.698	282.352.538.903
131 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	106.670.282.654	226.143.667.980
132 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	28.750.717.529	8.315.534.651
135 3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	610.637.895.513	29.429.848.513
136 4. Phải thu ngắn hạn khác	8	19.045.449.783	20.469.765.640
137 5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(2.092.827.353)	(2.094.453.453)
139 6. Tài sản thiếu chờ xử lý		88.175.572	88.175.572
140 IV. Hàng tồn kho	10	17.258.020.241	6.774.867.125
141 1. Hàng tồn kho		17.258.020.241	6.774.867.125
150 V. Tài sản ngắn hạn khác		4.337.561.519	5.174.557.889
151 1. Chi phí trả trước ngắn hạn	15	1.809.712.431	709.034.382
152 2. Thuế GTGT được khấu trừ		2.506.099.107	4.428.000.466
153 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	20	21.749.981	37.523.041

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

(tiếp theo)

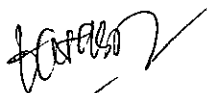
Mã số TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2016
		VND	(Đã phân loại lại) VND
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>2.036.125.892.696</b>	<b>2.308.028.641.909</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>245.879.124.916</b>	<b>570.905.723.737</b>
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	7	170.240.000.000
216	2. Phải thu dài hạn khác	8	75.639.124.916
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>831.107.718.739</b>	<b>853.812.680.548</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	749.723.770.996
222	- Nguyên giá		962.596.855.907
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(212.873.084.911)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	81.383.947.743
228	- Nguyên giá		86.366.076.734
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(4.982.128.991)
<b>230</b>	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>14</b>	<b>8.003.328.821</b>
231	- Nguyên giá		9.303.774.000
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.300.445.179)
<b>240</b>	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>71.014.564.226</b>	<b>65.909.724.517</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	71.014.564.226
<b>250</b>	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>4</b>	<b>850.042.542.615</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		815.192.542.615
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		34.850.000.000
<b>260</b>	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>30.078.613.379</b>	<b>33.451.330.271</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	15	3.221.150.789
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	33a	17.181.170.781
269	3. Lợi thế thương mại	16	9.676.291.809
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>2.897.808.944.251</b>	<b>2.744.039.319.643</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

(tiếp theo)

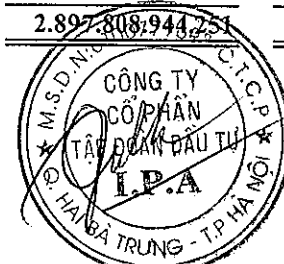
Mã số NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2016
		VND	(Đã phân loại lại) VND
<b>300 C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>1.355.104.307.788</b>	<b>1.329.788.842.776</b>
<b>310 I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>866.836.535.329</b>	<b>499.619.833.145</b>
311 1. Phải trả người bán ngắn hạn	19	55.127.619.701	93.944.480.230
312 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	18	115.523.625	88.277.418.241
313 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	20	6.766.551.820	4.116.105.838
314 4. Phải trả người lao động		1.501.831.597	859.304.668
315 5. Chi phí phải trả ngắn hạn	21	30.521.276.845	46.672.638.072
318 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	23	278.181.818	-
319 9. Phải trả ngắn hạn khác	22	50.679.107.469	58.342.595.350
320 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	17	716.120.166.637	202.572.328.808
322 12. Quỹ khen thưởng phúc lợi		5.726.275.817	4.834.961.938
<b>330 II. Nợ dài hạn</b>		<b>488.267.772.459</b>	<b>830.169.009.631</b>
337 7. Phải trả dài hạn khác	22	582.000.000	593.000.000
338 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	17	465.786.229.541	814.461.388.888
341 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	33b	21.899.542.918	15.114.620.743
<b>400 D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>1.542.704.636.463</b>	<b>1.414.250.476.867</b>
<b>410 I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>23</b>	<b>1.542.704.636.463</b>	<b>1.414.250.476.867</b>
411 1. Vốn góp của chủ sở hữu		890.982.480.000	600.000.000.000
411a Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		890.982.480.000	600.000.000.000
412 2. Thặng dư vốn cổ phần		79.884.523.490	370.867.003.490
414 4. Vốn khác của chủ sở hữu		3.162.010.340	3.162.010.340
415 5. Cổ phiếu quỹ		(35.861.096.800)	(35.861.096.800)
418 8. Quỹ đầu tư phát triển		6.324.020.680	7.391.098.794
420 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		587.398.219	1.654.476.333
421 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		319.352.337.326	184.658.064.620
421a LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		168.132.335.331	91.405.668.762
421b LNST chưa phân phối kỳ này		151.220.001.995	93.252.395.858
429 13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		278.272.963.208	282.378.920.090
<b>440 TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>2.897.808.944.251</b>	<b>2.744.039.319.643</b>



Phan Thị Mien  
Người lập biểu



Phạm Thị Thanh Huệ  
Kế toán trưởng



Vũ Hiền

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Hà Nội, ngày 25 tháng 08 năm 2017



## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

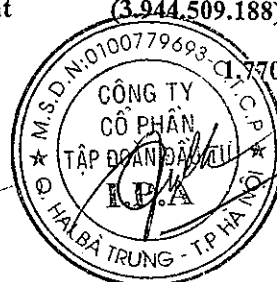
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu	6 tháng đầu
			năm 2017	năm 2016
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và cung cấp dịch vụ	24	1.040.706.578.865	958.718.375.528
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	2.054.800
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.040.706.578.865	958.716.320.728
11	4. Giá vốn hàng bán	25	1.016.314.583.653	893.045.823.482
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		24.391.995.212	65.670.497.246
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	26	100.225.369.098	25.717.922.350
22	7. Chi phí tài chính	27	51.793.597.924	39.185.553.717
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		51.453.548.248	37.428.800.264
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		80.317.569.779	15.404.778.036
25	9. Chi phí bán hàng	28	1.359.972.487	3.097.875.579
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	29	12.895.020.235	16.490.824.073
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		138.886.343.443	48.018.944.263
31	12. Thu nhập khác	30	225.192.505	692.706.473
32	13. Chi phí khác	31	246.885.503	512.451.717
40	14. Lợi nhuận khác		(21.692.998)	180.254.756
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		138.864.650.445	48.199.199.019
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	32	1.203.365.302	1.284.196.289
52	17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	33 c	6.576.742.260	334.672.490
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		131.084.542.883	46.580.330.240
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		135.029.052.071	38.688.357.515
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		(3.944.509.188)	7.891.972.725
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	34		665



Phan Thị Mến  
Người lập biểu



Phạm Thị Thanh Huệ  
Kế toán trưởng



Vũ Hiền

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Hà Nội, ngày 25 tháng 08 năm 2017

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
		VND	VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Lợi nhuận trước thuế	131.868.037.945	48.199.199.019
	2. Điều chỉnh cho các khoản		
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	26.008.654.808	18.856.696.681
03	- Các khoản dự phòng	(1.626.100)	879.329.264
05	- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư	(179.390.650.191)	(21.389.026.088)
06	- Chi phí lãi vay	51.453.548.248	37.428.800.264
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	29.937.964.710	83.974.999.140
09	- Tăng/giảm các khoản phải thu	144.320.042.195	15.473.208.913
10	- Tăng/giảm hàng tồn kho	(10.483.153.116)	(1.364.587.546)
11	- Tăng/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	(116.791.026.794)	99.409.077.115
12	- Tăng/giảm chi phí trả trước	(281.000.724)	240.181.289
13	- Tăng/giảm chứng khoán kinh doanh	34.628.987.086	(1.475.624.288)
14	- Tiền lãi vay đã trả	(67.328.599.926)	(24.971.342.928)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(1.435.592.519)	(1.001.559.560)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(615.257.531)	(5.743.423.262)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	11.952.363.382	164.540.928.873
<b>II. LƯU CHUYỂN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(4.898.504.891)	(6.572.785.493)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	-	1.439.937.774
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(460.500.000.000)	(787.350.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	234.831.953.000	91.733.460.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(34.850.000.000)	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	58.163.848.031	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	8.691.687.742	3.967.117.238
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(198.561.016.118)	(696.782.270.481)

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu	6 tháng đầu
		năm 2017	năm 2016
		VND	VND
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	3. Tiền thu từ đi vay	456.587.642.747	929.559.610.718
34	4. Tiền trả nợ gốc vay	(292.536.492.045)	(393.068.692.465)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(7.534.448.600)	-
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>156.516.702.102</i>	<i>536.490.918.253</i>
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	(30.091.950.634)	4.249.576.645
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	96.715.227.231	106.312.618.335
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3 66.623.276.597	110.562.194.980

Phan Thị Mến  
Người lập biểu

Phạm Thị Thanh Huệ  
Kế toán trưởng



Vũ Hiền

Chủ tịch Hội đồng quản trị  
Hà Nội, ngày 25 tháng 08 năm 2017



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

### 1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty CP Tập đoàn Đầu tư I.P.A được thành lập ngày 28/12/2007 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103021608 với số vốn điều lệ đăng ký là 600 tỷ đồng trên cơ sở chuyển đổi từ Công ty TNHH Đầu tư và Tài chính I.P.A - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 042493 do Sở kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 09/03/1998.

Ngày 31/12/2007, Công ty CP Tập đoàn Đầu tư I.P.A nhận sáp nhập với Công ty CP Đầu tư I.P.A theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103010725 do Sở kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 19/01/2006 với tỷ lệ sáp nhập là 1:1. Tại thời điểm nhận sáp nhập, vốn điều lệ thực góp của Công ty CP Tập đoàn Đầu tư I.P.A là 426.647.450.000 đồng, vốn điều lệ của Công ty CP Đầu tư I.P.A là 173.352.550.000 đồng, thặng dư vốn là 370,876 tỷ đồng; sau khi sáp nhập thì vốn điều lệ của Công ty CP Tập đoàn Đầu tư I.P.A vẫn giữ nguyên là 600 tỷ đồng và thặng dư vốn phát sinh là 370,867 tỷ đồng.

Ngày 20/11/2008, Công ty CP Tập đoàn Đầu tư I.P.A nhận sáp nhập với Công ty CP Các đối tác Tài chính I.P.A theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 01030225325 do Sở kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 22/02/2008 với tỷ lệ sáp nhập là 1:1. Tại thời điểm nhận sáp nhập, vốn điều lệ thực góp của Công ty CP Tập đoàn Đầu tư I.P.A là 600.000.000.000 đồng và vốn điều lệ thực góp của Công ty CP Các đối tác Tài chính I.P.A là 59.999.800.000 đồng và do một cổ đông duy nhất là Công ty CP Tập đoàn Đầu tư I.P.A thực hiện góp vốn. Khi nhận sáp nhập thì Công ty CP Tập đoàn Đầu tư I.P.A không phát hành thêm cổ phần mới, vốn điều lệ của Công ty vẫn giữ nguyên là 600 tỷ đồng.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 1, phố Nguyễn Thượng Hiền, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 890.982.480.000 đồng, tương đương 89.098.248 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

#### Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là:

- Đầu tư tài chính, tư vấn tài chính;
- Đầu tư chứng khoán;
- Đầu tư dự án thủy điện;
- Đầu tư bất động sản.

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Đầu tư tài chính, tư vấn tài chính;
- Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán;
- Kinh doanh điện thương phẩm;
- Đầu tư và kinh doanh bất động sản;
- Các dịch vụ khác.

#### Cấu trúc Công ty

- Thông tin về tái cấu trúc công ty

Trong kỳ, Công ty đã thanh lý vốn góp tại công ty con Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán IPA và mang toàn bộ số cổ phần tại công ty liên kết Công ty Cổ phần Ong Trung Ương góp vốn vào công ty con Công ty TNHH Bất động sản ANVIE. Công ty cũng thành lập thêm Công ty Cổ phần IPA Cửu Long.

0103  
C  
RÁCH  
NG  
A  
V KIẾ

- Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 30/06/2017 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
1. Công ty Cổ phần Hòn Ngọc Á Châu	Phường Khuê Mỹ, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng	54,66%	54,66%	Đầu tư khách sạn nghỉ dưỡng
2. Công ty Cổ phần Năng lượng Bắc Hà	Thị trấn Bắc Hà, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai	74,46%	74,46%	Đầu tư dự án thủy điện
3. Công ty Cổ phần Thực phẩm Homefood	Số 26 Trần Trọng Bình, Nguyễn Du, Hai Bà Trưng, Hà Nội	89,86%	89,86%	Kinh doanh thực phẩm dinh dưỡng
4. Công ty TNHH Bất động sản ANVIE (i)	Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Nguyễn Du, Hai Bà Trưng, Hà Nội	32,89%	72,64%	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
5. Công ty TNHH MTV Tài chính IPA	Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Nguyễn Du, Hai Bà Trưng, Hà Nội	100%	100%	Đầu tư tài chính
6. Công ty Cổ phần Cơ khí ngành In	Số 102 A-B Hải Thượng Lãn Ông, Phường 10, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh	51,29%	51,29%	Lắp đặt các máy chuyên dụng, thiết bị ngành in; Sửa chữa máy móc, thiết bị ngành in; Dịch vụ liên quan đến in.
7. Công ty Cổ phần Dịch Vụ Homedirect (iv)	Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Nguyễn Du, Hai Bà Trưng, Hà Nội	73,79%	85,00%	Dịch vụ
8. Công ty Cổ phần Bất động sản ANVIE Hội An (ii)	Số 26 Trần Bình Trọng, Phường Nguyễn Du, Hai Bà Trưng, Hà Nội	32,89%	99,00%	Kinh doanh bất động sản
9. Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Lũng Xuân (iii)	59 Lý Thái Tổ, Tráng Tiên, Hoàn Kiếm, Hà Nội	32,89%	98,00%	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất
10. Công ty CP Thương mại và Đầu tư IPA Cửu Long	Số 39 Lê Hồng Phong, Bình Thủy, Bình Thủy, Cần Thơ	100,00%	89,00%	Kinh doanh bất động sản

(i) Được đổi tên và chuyển đổi hình thức sở hữu từ Công ty TNHH MTV Học Viện IPA.

(ii) Công ty con gián tiếp thông qua Công ty TNHH MTV Tài Chính IPA.

(iii) Công ty con gián tiếp và đã được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của công ty mẹ là Công ty TNHH Bất động sản ANVIE.

11/05  
CÔNG TY  
TÀI CHÍNH  
ANVIE  
SC  
TP. HỒ

- Công ty có các công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại thời điểm 30/06/2017 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
1. Công ty Cổ phần Ong Trung Ương (i)	19 Trúc Khê, Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội	16,45%	50,03%	Kinh doanh, xuất khẩu các sản phẩm từ ong
2. Công ty Cổ phần Điện Nông thôn Trà Vinh (ii)	Khóm 1 - Phường 9 - Thị xã Trà Vinh - Tỉnh Trà Vinh	20,36%	20,36%	Đầu tư xây dựng, phát triển các công trình điện; Kinh doanh mua bán điện, vật tư chuyên ngành điện; Thiết kế, thi công các công trình điện
3. Công ty Cổ phần Chứng khoán Vndirect (ii)	Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Nguyễn Du, Hai Bà Trưng, Hà Nội	27,49%	27,49%	Kinh doanh chứng khoán
4. Công ty Cổ phần Khoáng Sản và Gang Thép Kim Sơn (iii)	Khu Công nghiệp Thanh Bình - xã Thanh Bình - huyện Chợ Mới - tỉnh Bắc Kạn	76,13%	30,00%	Khai thác khoáng sản và sản xuất gang thép
5. Công ty Cổ phần Giải pháp Phần mềm Tài chính	Số 434, Trần Khát Chân, phường Phố Huế, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	24,50%	35,00%	Kinh doanh phần mềm tài chính
6. Công ty Cổ phần Dược Phẩm ECO (iv)	148 Hoàng Hoa Thám, phường 12, quận Tân Bình, Tp.HCM	20,00%	20,00%	Bán lẻ, phân phối thuốc; Dịch vụ nhập khẩu ủy thác.
7. Công ty Cổ phần Du Lịch - Dịch Vụ Hội An (v)	10 Trần Hưng Đạo, Tp Hội An, Tỉnh Quảng Nam	20,01%	20,01%	Kinh doanh dịch vụ ăn uống, lữ hành, vui chơi giải trí; Vận tải hành khách

(i) Công ty liên kết gián tiếp thông qua Công ty TNHH Bất động sản ANVIE.

(ii) Công ty liên kết gián tiếp thông qua Công ty TNHH MTV Tài Chính IPA.

(iii) Công ty liên kết gián tiếp thông qua Công ty TNHH MTV Tài Chính IPA. Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty TNHH MTV Tài Chính IPA tại Công ty Cổ phần Khoáng Sản và Gang Thép Kim Sơn là 30,00%.



(iv) Công ty liên kết gián tiếp thông qua các khoản đầu tư trực tiếp và gián tiếp qua công ty con là Công ty TNHH MTV Tài Chính IPA với tổng tỷ lệ vốn góp là 20,00% vốn điều lệ.

(v) Công ty liên kết gián tiếp thông qua các khoản đầu tư trực tiếp và gián tiếp qua công ty con là Công ty TNHH MTV Tài Chính IPA với tổng tỷ lệ vốn góp là 20,01% vốn điều lệ.

## 2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

### 2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

### 2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

#### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

### 2.3 . Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập đến ngày 30 tháng 06 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Phương pháp kế toán khác khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn: trường hợp trước ngày công ty mẹ đạt được quyền kiểm soát, công ty con là công ty liên kết của công ty mẹ và đã được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu: Tại thời điểm đạt được quyền kiểm soát, giá trị khoản đầu tư được đánh giá lại theo giá trị hợp lý và phân chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

#### 2.4 . Công cụ tài chính

##### *Ghi nhận ban đầu*

##### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

##### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

##### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định cụ thể về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

#### 2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### 2.6 . Các khoản đầu tư tài chính

*Chứng khoán kinh doanh* được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước/hoặc phương pháp bình quân gia quyền.

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn* bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

*Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết* mua trong kỳ được bên mua xác định ngày mua, giá phí khoản đầu tư và thực hiện thủ tục kế toán theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán "Hợp nhất kinh doanh" và "Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết". Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

*Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác* bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.



- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

## 2.7 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

## 2.8 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ sản xuất điện thương phẩm: bao gồm chi phí nhân công và chi phí khấu hao tài sản cố định tháng 12 hàng năm (tương ứng doanh thu tháng 12 được ghi nhận trong tháng 1 năm sau).

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## 2.9 . Tài sản cố định và Bất động sản đầu tư

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 09 năm
- Phương tiện vận tải	06 năm
- Thiết bị văn phòng	04 - 10 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 08 năm
- Tài sản cố định khác	04 năm

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất có thời gian sử dụng không thời hạn nên không trích khấu hao.

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, trước ngày 01/01/2015 được tính trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng tương tự như các tài sản khác, kể từ ngày 01/01/2015 không thực hiện trích khấu hao.

#### 2.10 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

#### 2.11 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

#### 2.12 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

#### 2.13 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

#### 2.14 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

#### 2.15 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

## 2.16 . Doanh thu

### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

### *Doanh thu bán điện thương phẩm*

Thời điểm xác định doanh thu: khi bên bán – bên mua xác nhận chỉ số điện. Do đó, doanh thu được ghi nhận sau 01 tháng kể từ ngày kết thúc tháng.

### *Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động*

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

#### 2.17 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

#### 2.18 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

#### 2.19 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

#### 2.20 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

## 2.21 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

## 3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	236.935.774	730.633.154
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	54.886.340.823	34.730.375.743
Các khoản trong tương đương tiền <sup>(1)</sup>	11.500.000.000	61.254.218.334
	<u>66.623.276.597</u>	<u>96.715.227.231</u>

<sup>(1)</sup> Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại các Ngân hàng TMCP với lãi suất từ 4,5% đến 5,2%/năm.

## 4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Xem chi tiết Phụ lục 01

## 5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Phải thu khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
- Tổng Công ty Viễn thông Viettel - Chi nhánh Tập đoàn Viễn thông Quân đội	23.019.277.589	59.156.201.659
- Công ty Dịch vụ Viễn thông	9.099.919.544	93.504.351.990
- Trung tâm tính cước và Thanh khoản Công ty Thông tin di động	17.577.604.556	7.915.530.151
- Công ty CP Nghe nhìn Toàn cầu	6.963.915.485	46.445.746.480
- Trung tâm Dịch vụ giá trị gia tăng - Chi nhánh Công ty điện toán và truyền số liệu (VDC)	10.041.919.255	-
- Tập đoàn Điện lực Việt Nam - Công ty mua bán điện	28.029.103.102	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	11.938.543.123	19.121.837.700
	<u>106.670.282.654</u>	<u>226.143.667.980</u>
b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 39 )	<u>517.955.384</u>	<u>7.200.000</u>

**6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty TNHH Võ Trọng Nghĩa	1.050.000.000	-	1.050.000.000	-
- Công ty VTC Công nghệ và Nội dung Số	3.347.476.205	-	1.458.667.095	-
- Viện kỹ thuật Công trình	901.600.000	-	206.800.000	-
- Công ty CP Công nghiệp Xây dựng Toàn Phát	6.991.227.900	-	-	-
- TT Giải phóng mặt bằng và Môi trường đô thị	10.286.276.983	-	-	-
- Các nhà cung cấp khác	6.174.136.441	-	5.600.067.556	-
	<b>28.750.717.529</b>	<b>-</b>	<b>8.315.534.651</b>	<b>-</b>

**7 . PHẢI THU VỀ CHO VAY**

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>				
- Công ty Cổ phần Dịch vụ và Đầu tư Trustlink <sup>(1)</sup>	543.000.000.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư và Thương mại Thanh Tùng <sup>(2)</sup>	4.869.900.000	-	4.923.400.000	-
- Ông Đinh Văn Sáu <sup>(2)</sup>	13.527.500.000	-	13.527.500.000	-
- Bà Lương Thị Linh <sup>(2)</sup>	8.116.500.000	-	8.665.500.000	-
- Ông Lê Huy Hoàng <sup>(3)</sup>	37.500.000.000	-	-	-
- Các nhân viên công ty <sup>(2)</sup>	1.108.995.513	1.108.995.513	1.133.448.513	1.133.448.513
- Các đối tượng khác <sup>(2)</sup>	2.515.000.000	2.515.000.000	1.180.000.000	1.180.000.000
	<b>610.637.895.513</b>	<b>3.623.995.513</b>	<b>29.429.848.513</b>	<b>2.313.448.513</b>
<b>b) Dài hạn</b>				
- Công ty Cổ phần Dịch vụ và Đầu tư Trustlink <sup>(4)</sup>	170.000.000.000	-	525.000.000.000	-
- Các đối tượng khác	240.000.000	-	780.000.000	-
	<b>170.240.000.000</b>	<b>-</b>	<b>525.780.000.000</b>	<b>-</b>

<sup>(1)</sup> Các hợp đồng cho vay, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày vay; lãi suất vay vốn được quy định trong từng hợp đồng vay, lãi vay trả một lần vào cuối kỳ hạn vay.

<sup>(2)</sup> Các khoản cho vay theo các hợp đồng, thời hạn không xác định, với lãi suất 0%/năm.

**7 . PHẢI THU VỀ CHO VAY (tiếp theo)**

<sup>(3)</sup> Hợp đồng cho vay đầu tư số 0906/2017/HĐVĐT ngày 09/06/2017 không kỳ hạn, lãi suất cho vay 10%/năm, khoản cho vay được đảm bảo bằng tài sản của Bên vay

<sup>(4)</sup> Các hợp đồng cho vay vốn thời hạn vay 2 năm kể từ ngày vay; lãi suất vay vốn: 11,3%/năm, lãi vay trả một lần vào cuối kỳ hạn vay.

**8 . PHẢI THU KHÁC**

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>				
- Phải thu về lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay	2.168.280.166	-	270.796.871	-
- Tạm ứng	5.491.873.244	-	5.511.537.632	-
- Ký cược, ký quỹ	1.306.100.929	-	1.100.560.000	-
- Phải thu tạm ứng thực hiện dự án Lũng Xuân	-	-	5.476.000.000	-
- Phải thu tạm ứng thực hiện dự án Hòn Ngọc Á Châu	7.098.366.097	-	6.358.625.709	-
- Trả trước chi phí GPMB cho các hộ dân	1.141.625.373	-	267.492.000	-
- Phải thu khác	1.839.203.974	779.030.200	1.484.753.428	772.171.700
	<u>19.045.449.783</u>	<u>779.030.200</u>	<u>20.469.765.640</u>	<u>772.171.700</u>
<b>b) Dài hạn</b>				
- Tiền lãi cho vay (*)	72.486.674.995	-	41.047.526.612	-
+ Công ty CP Tập đoàn Đầu tư & Thương mại Thanh Tùng	-	-	149.606.581	-
+ Bà Lương Thị Linh	-	-	251.070.327	-
+ Ông Đinh Văn Sáu	-	-	415.710.819	-
+ Công ty Cổ phần Dịch vụ và Đầu tư Trustlink	72.486.674.995	-	40.231.138.885	-
- Ký cược, ký quỹ	3.152.449.921	-	4.078.197.125	-
	<u>75.639.124.916</u>	<u>-</u>	<u>45.125.723.737</u>	<u>-</u>

(\*) Lãi vay phải thu theo hợp đồng cho vay trình bày tại Thuyết minh số 7.

01/07  
TRÁI  
HÀ  
3 HO

9 . NỢ XẤU

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán				
- Phải thu khách hàng	204.801.640	-	204.801.640	15.968.400
<i>Doanh Nghiệp Tư nhân   Trường Thành</i>	85.000.000	-	85.000.000	-
<i>Công ty TNHH SX-TM   Hiệp Nguyên</i>	53.228.000	-	53.228.000	15.968.400
<i>Công ty TNHH Kiều Tiến</i>	50.000.000	-	50.000.000	-
<i>Công ty TNHH Quảng   cáo Thịnh Phát</i>	16.573.640	-	16.573.640	-
- Trả trước cho người bán	971.760.000	971.760.000	971.760.000	971.760.000
<i>Công ty CP Thiết kế kiến   trúc và Nội thất ALA</i>	50.000.000	50.000.000	50.000.000	50.000.000
<i>Công ty CP Tư vấn Việt   Delta</i>	50.000.000	50.000.000	50.000.000	50.000.000
<i>Trung tâm Giải phóng   mặt bằng và Môi trường   đô thị</i>	211.760.000	211.760.000	211.760.000	211.760.000
<i>Trung tâm Nghiên cứu   ứng dụng thực nghiệm   KT và XD</i>	100.000.000	100.000.000	100.000.000	100.000.000
<i>TT nghiên cứu và quy   hoạch MT và đô thị</i>	560.000.000	560.000.000	560.000.000	560.000.000
- Phải thu cho vay quá hạn	1.108.995.513	-	1.133.448.513	-
<i>Lê Thị Diệu Hồng</i>	98.681.416	-	109.796.416	-
<i>Phạm Hồng Hoa</i>	210.314.097	-	223.652.097	-
<i>Nguyễn Mạnh Hùng</i>	800.000.000	-	800.000.000	-
- Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	785.888.700	6.858.500	833.276.450	61.104.750
	<b>3.071.445.853</b>	<b>978.618.500</b>	<b>3.143.286.603</b>	<b>1.048.833.150</b>

10 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Nguyên liệu, vật liệu	1.042.838.280	-	630.414.606	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	3.938.675.059	-	3.958.319.059	-
- Thành phẩm	423.568.384	-	242.693.568	-
- Hàng hóa	11.852.938.518	-	1.943.439.892	-
	<b>17.258.020.241</b>	<b>-</b>	<b>6.774.867.125</b>	<b>-</b>



**11 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG**

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Xây dựng cơ bản	70.637.682.408	65.863.877.517
<i>Dự án Khu sinh thái Lũng Xuân <sup>(1)</sup></i>	5.805.511.177	5.805.035.821
<i>Dự án Tòa nhà văn phòng tại thành phố Hồ Chí Minh <sup>(2)</sup></i>	5.564.717.571	5.564.717.571
<i>Dự án Khu du lịch ven biển Hòn ngọc Á Châu <sup>(3)</sup></i>	56.247.362.219	53.382.848.535
<i>Dự án Nhà máy Thủy điện Nậm Phàng B <sup>(4)</sup></i>	3.020.091.441	780.240.772
<i>Công trình Xưởng sản xuất giò chả</i>	-	331.034.818
- Sửa chữa lớn	376.881.818	45.847.000
<i>Cải tạo công trình nhà làm việc 19 Trúc Khê</i>	376.881.818	45.847.000
	<b>71.014.564.226</b>	<b>65.909.724.517</b>

<sup>(1)</sup> Dự án được cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 251031000075 ngày 29/02/2008 của UBND tỉnh Hòa Bình với tổng mức đầu tư là 448.403.000.000 đồng, tổng diện tích quy hoạch 199,08 ha tại xã Tiến Xuân, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.

<sup>(2)</sup> Theo Thỏa thuận nguyên tắc ngày 26/04/2009 giữa Công ty và Công ty CP Cơ khí ngành In (CKI) về Hợp tác đầu tư khai thác tòa nhà tại khu đất 90 Pasteur, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

<sup>(3)</sup> Dự án được cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 32121000031 ngày 31/12/2007, điều chỉnh lần 1 ngày 25/07/2009 của UBND thành phố Đà Nẵng với tổng mức đầu tư là 1.551 tỷ đồng, tổng diện tích quy hoạch 170.000 m<sup>2</sup> tại phường Khuê Mỹ, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

<sup>(4)</sup> Dự án được đầu tư theo Quyết định chủ trương đầu tư số 489/QĐ-UBND do UBND tỉnh Lào Cai cấp ngày 14/02/2017 với tổng mức đầu tư là: 174.550.000.000 đồng, tổng diện tích sử dụng đất là 13,545 ha tại xã Nậm Khánh, xã Nậm Đét, xã Bàn Liên, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai. Thời hạn hoạt động của dự án là 50 năm kể từ ngày được UBND tỉnh ban hành quyết định chủ trương đầu tư.

**12 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Xem chi tiết Phụ lục 02

**13 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Xem chi tiết Phụ lục 03

**14 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

Xem chi tiết Phụ lục 04

**15 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Chi phí bảo hiểm	73.836.446	141.038.536
- Chi phí thuê văn phòng	23.318.175	102.155.356
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.226.808.606	464.205.811
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	485.749.205	1.634.679
	<b>1.809.712.431</b>	<b>709.034.382</b>

TP / C  
 CUH  
 TO

15 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC (tiếp theo)

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>b) Dài hạn</b>		
- Chi phí Bảo hiểm	-	152.124.155
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.857.957.383	1.949.469.345
- Chi phí thuê văn phòng	233.181.819	76.344.533
- Chi phí sửa chữa cải tạo	1.033.039.376	1.650.545.216
- Chi phí trả trước dài hạn khác	96.972.211	212.344.865
	<b>3.221.150.789</b>	<b>4.040.828.114</b>

16 . LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

Xem chi tiết Phụ lục 05

17 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Xem chi tiết Phụ lục 06

18 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Công ty Cổ phần Chứng khoán Vndirect (*)	-	87.734.421.385
- Các đối tượng khác	115.523.625	542.996.856
	<b>115.523.625</b>	<b>88.277.418.241</b>

(\*) Nhận tiền đặt cọc mua phần vốn góp tại công ty con theo Hợp đồng đặt cọc số 01/2016/CNMG ngày 01/06/2016.

19 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn</b>				
- Công ty CP ABT Media	12.134.892	12.134.892	6.162.368.562	6.162.368.562
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại An Thịnh	27.136.748.443	27.136.748.443	53.726.809.491	53.726.809.491
- Công ty CP Nghe nhìn Toàn cầu	7.190.807.804	7.190.807.804	11.006.220.199	11.006.220.199
- Công ty CP VTC dịch vụ di động (VTC Mobile)	9.191.097.201	9.191.097.201	3.388.922.450	3.388.922.450
- Công ty CP VNG	3.323.746.501	3.323.746.501	13.433.824.662	13.433.824.662
- Phải trả đối tượng khác	8.273.084.860	8.273.084.860	6.226.334.866	6.226.334.866
	<b>55.127.619.701</b>	<b>55.127.619.701</b>	<b>93.944.480.230</b>	<b>93.944.480.230</b>

**20 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

Xem chi tiết Phụ lục 07

**21 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	15.310.882.034	3.403.339.962
- Chi phí lãi trái phiếu phải trả năm nay (*)	15.117.406.254	42.900.000.004
- Chi phí phải trả khác	92.988.557	369.298.106
	<b>30.521.276.845</b>	<b>46.672.638.072</b>

(\*) Chi phí lãi phải trả cho các trái phiếu phát hành được chi tiết tại thuyết minh số 17.

**22 . PHẢI TRẢ KHÁC**

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Tài sản thừa chờ giải quyết	120.340	-
- Kinh phí công đoàn	309.446.474	300.509.738
- Bảo hiểm xã hội	70.930.746	53.635.500
- Bảo hiểm y tế	13.296.663	5.068.413
- Bảo hiểm thất nghiệp	5.215.000	2.278.000
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	61.000.000	60.000.000
- Phải trả Quỹ bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Lào Cai	751.371.359	955.424.319
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	49.218.800.000	56.753.248.600
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	248.926.887	212.430.780
	<b>50.679.107.469</b>	<b>58.342.595.350</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	582.000.000	593.000.000
	<b>582.000.000</b>	<b>593.000.000</b>

**23 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Xem chi tiết Phụ lục 08

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	30/06/2017	Tỷ lệ	01/01/2017	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Công ty TNHH Quản lý Đầu tư H&H	478.965.000.000	53,76	319.310.000.000	53,22
Các cổ đông khác	412.017.480.000	46,24	280.690.000.000	46,78
	<b>890.982.480.000</b>	<b>100</b>	<b>600.000.000.000</b>	<b>100</b>

100  
 C  
 CH  
 AN  
 A  
 ANK

**23 . VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	600.000.000.000	600.000.000.000
- <i>Vốn góp tăng trong kỳ</i>	290.982.480.000	-
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	890.982.480.000	600.000.000.000

**d) Cổ phiếu**

	30/06/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	89.098.248	60.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	89.098.248	60.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	89.098.248	60.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(1.803.500)	(1.803.500)
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	(1.803.500)	(1.803.500)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	87.294.748	58.196.500
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	87.294.748	58.196.500
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

**e) Các quỹ của công ty**

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	6.324.020.680	7.391.098.794
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	587.398.219	1.654.476.333
	<b>6.911.418.899</b>	<b>9.045.575.127</b>

**24 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Doanh thu quản lý danh mục đầu tư	-	1.306.022.750
Doanh thu bán điện thương phẩm	40.488.340.209	74.883.442.964
Doanh thu kinh doanh thẻ Vcoin, thẻ viễn thông và dịch vụ công thông tin	987.462.454.230	871.200.974.527
Doanh thu bán thành phẩm	6.120.188.755	3.661.347.545
Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.634.693.672	5.467.495.602
Doanh thu từ hợp tác kinh doanh (*)	1.000.901.999	-
Doanh thu khác	-	2.199.092.140
	<b>1.040.706.578.865</b>	<b>958.718.375.528</b>

(\*) Là doanh thu về tiền thuê đất và dịch vụ có liên quan tại Khu đất 90 Pasteur, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 39 )	<b>5.220.067.390</b>	<b>5.575.254.613</b>
---	----------------------	----------------------

**25 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

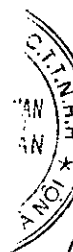
	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Chi phí quản lý danh mục đầu tư	-	780.293.683
Giá vốn bán điện thương phẩm	26.732.460.421	25.227.993.421
Giá vốn kinh doanh thẻ Vcoin, thẻ viễn thông và dịch vụ công nghệ thông tin	979.098.504.724	857.126.493.643
Giá vốn của thành phẩm đã bán	4.869.931.344	3.542.317.919
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	5.062.797.851	5.116.285.046
Giá vốn từ hợp tác kinh doanh	550.889.313	-
Giá vốn khác	-	1.252.439.770
	<b><u>1.016.314.583.653</u></b>	<b><u>893.045.823.482</u></b>

**26 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	37.542.562.098	14.044.205.822
Lãi bán chứng khoán kinh doanh	-	4.419.634.388
Lãi bán các khoản đầu tư	57.865.843.772	1.349.028.683
Cổ tức, lợi nhuận được chia	4.485.757.322	5.672.497.902
Lãi trái phiếu	330.685.350	232.555.555
Doanh thu tài chính khác	520.556	-
	<b><u>100.225.369.098</u></b>	<b><u>25.717.922.350</u></b>

**27 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền vay	51.453.548.248	37.778.800.264
Lỗ do bán Chứng khoán kinh doanh	-	1.169.996.952
Lỗ chênh lệch tỷ giá trong kỳ	1.920.000	-
Chi phí phát hành trái phiếu	321.527.780	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	-	221.141.624
Chi phí tài chính khác	16.601.896	15.614.877
	<b><u>51.793.597.924</u></b>	<b><u>39.185.553.717</u></b>



**28 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	79.690.511	706.330.258
Chi phí nhân công	955.471.511	1.835.959.605
Chi phí khấu hao tài sản cố định	50.749.500	42.928.984
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.104.002	75.104.002
Chi phí khác bằng tiền	230.126.963	402.357.730
Chi phí dự phòng bảo hành sản phẩm	38.830.000	35.195.000
	<b>1.359.972.487</b>	<b>3.097.875.579</b>

**29 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.038.607.539	42.426.360
Chi phí nhân công	3.173.854.553	6.903.304.566
Chi phí công cụ, đồ dùng văn phòng	211.448.481	506.583.757
Chi phí khấu hao tài sản cố định	380.397.963	1.132.628.414
Chi phí dự phòng	(1.626.100)	658.187.640
Thuế, phí, và lệ phí	266.353.705	770.755.725
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.937.782.246	2.716.880.671
Chi phí phân bổ lợi thế thương mại	3.178.992.999	3.178.992.998
Chi phí khác bằng tiền	709.208.849	581.063.942
	<b>12.895.020.235</b>	<b>16.490.824.073</b>

**30 . THU NHẬP KHÁC**

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	90.909.091
Tiền phạt thu được	-	33.000.000
Thu nhập khác	225.192.505	568.797.382
	<b>225.192.505</b>	<b>692.706.473</b>

**31 . CHI PHÍ KHÁC**

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Ứng hộ, từ thiện	30.000.000	-
Các khoản bị phạt	17.082.249	140.916.005
Chi phí khác	199.803.254	371.535.712
	<b>246.885.503</b>	<b>512.451.717</b>



**32 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.203.365.302	1.284.196.289
- Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty mẹ	-	-
- Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty con	1.203.365.302	1.284.196.289
Điều chỉnh khác	-	-
Thuế TNDN phải thu đầu kỳ	16.612.120	11.435.891
Thuế TNDN phải nộp đầu kỳ	1.080.786.126	988.219.557
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	(1.435.592.519)	(1.001.559.560)
Thuế TNDN phải thu cuối kỳ	839.060	11.435.891
<b>Tổng thuế TNDN phải nộp cuối kỳ</b>	<b>952.468.825</b>	<b>1.270.856.286</b>

**33 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI**

**a) Tài sản thuế Thu nhập hoãn lại**

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Thuế suất Thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản	20%	20%
Thuế thu nhập hoãn lại		
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	17.181.170.781	16.555.217.349
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b>17.181.170.781</b>	<b>16.555.217.349</b>

**b) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Thuế suất Thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	21.899.542.918	15.114.620.743
<b>Thuế thu nhập hoãn lại phải trả</b>	<b>21.899.542.918</b>	<b>15.114.620.743</b>

**c) Chi phí thuế thu nhập hoãn lại**

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(625.953.432)	21.151.332
Chi phí/Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	7.202.695.692	313.521.158
	<b>6.576.742.260</b>	<b>334.672.490</b>

1111  
CÔNG TY  
HIỂM HỘ  
KIỂM T  
ASC  
1-TP.

### 34 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	135.029.052.071	38.688.357.515
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	135.029.052.071	38.688.357.515
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	76.302.077	58.196.500
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.770</b>	<b>665</b>

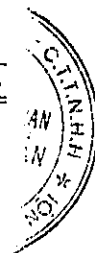
### 35 . CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ

	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.346.291.188	3.242.291.037
Chi phí nhân công	11.307.178.044	10.172.570.535
Chi phí khấu hao TSCĐ	22.829.661.809	25.880.032.952
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.845.406.593	7.839.626.599
Chi phí khác bằng tiền	4.303.764.833	8.552.759.452
	<b>51.632.302.467</b>	<b>55.687.280.575</b>

### 36 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	66.623.276.597	-	96.715.227.231	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	201.354.857.353	(2.092.827.353)	291.739.157.357	(2.094.453.453)
Các khoản cho vay	787.227.895.513	-	561.559.848.513	-
Đầu tư ngắn hạn	4.014.499.500	-	38.643.486.586	-
	<b>1.059.220.528.963</b>	<b>(2.092.827.353)</b>	<b>988.657.719.687</b>	<b>(2.094.453.453)</b>





36 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

	Giá trị sổ kế toán	
	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ	1.181.906.396.178	1.017.033.717.696
Phải trả người bán, phải trả khác	106.388.727.170	152.880.075.580
Chi phí phải trả	30.521.276.845	46.672.638.072
	<b>1.318.816.400.193</b>	<b>1.216.586.431.348</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá và lãi suất.

**Rủi ro về giá:**

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

**Rủi ro về lãi suất:**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 30/06/2017</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	66.623.276.597		66.623.276.597
Phải thu khách hàng, phải thu khác	123.622.905.084	75.639.124.916	199.262.030.000
Các khoản cho vay	616.987.895.513	170.240.000.000	787.227.895.513
Đầu tư ngắn hạn	4.014.499.500	-	4.014.499.500
	<b>811.248.576.694</b>	<b>245.879.124.916</b>	<b>1.057.127.701.610</b>

36 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 01/01/2017</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	96.715.227.231	-	96.715.227.231
Phải thu khách hàng, phải thu khác	244.518.980.167	45.125.723.737	289.644.703.904
Các khoản cho vay	35.779.848.513	525.780.000.000	561.559.848.513
Đầu tư ngắn hạn	38.643.486.586	-	38.643.486.586
	<b>415.657.542.497</b>	<b>570.905.723.737</b>	<b>986.563.266.234</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 30/06/2017</b>			
Vay và nợ	716.120.166.637	465.786.229.541	852.667.655.524
Phải trả người bán, phải trả khác	105.806.727.170	582.000.000	105.301.178.982
Chi phí phải trả	30.521.276.845	-	17.117.406.254
	<b>852.448.170.652</b>	<b>466.368.229.541</b>	<b>1.318.816.400.193</b>
<b>Tại ngày 01/01/2017</b>			
Vay và nợ	202.572.328.808	814.461.388.888	1.017.033.717.696
Phải trả người bán, phải trả khác	152.287.075.580	593.000.000	152.880.075.580
Chi phí phải trả	46.672.638.072	-	46.672.638.072
	<b>401.532.042.460</b>	<b>815.054.388.888</b>	<b>1.216.586.431.348</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

37 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Thay đổi giá trị Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết do hợp nhất theo Phương pháp vốn chủ không phải bằng tiền	-	7.520.712.887
Tăng Tài sản cố định do hợp nhất kinh doanh	-	3.060.201.424

### 38 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh:

Xem chi tiết Phụ lục 09.

Theo khu vực địa lý:

Xem chi tiết Phụ lục 10.

### 39 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	Mối quan hệ	6 tháng đầu	6 tháng đầu
		năm 2017	năm 2016
		VND	VND
<b>- Giao dịch giữa Công ty mẹ và Công ty Cổ phần Chứng khoán Vndirect</b>	Công ty liên kết		
- Cho thuê văn phòng, điện nước và tiền vận chuyển		5.220.067.390	5.575.254.613
- Gửi tiền có kỳ hạn		25.500.000.000	22.500.000.000
- Thu tiền có kỳ hạn		42.500.000.000	17.300.000.000
- Lãi tiền gửi		563.885.196	225.455.784
- Chuyển nhượng công ty con của IPA		110.000.000.000	-
- Mua trái phiếu		4.999.152.400	-
- Bán trái phiếu		5.036.480.950	-
- Phí lưu ký		10.284.794	-
<b>- Công ty CP Dịch vụ Homedirect và Công ty Cổ phần Chứng khoán Vndirect</b>	Công ty liên kết		
- Phí phát hành trái phiếu		2.900.000.000	-
<b>Công ty Cổ phần Du Lịch - Dịch Vụ Hội An</b>	Công ty liên kết		
- Cổ tức được chia nhận được		1.631.370.000	1.495.422.500
<b>Công ty Cổ phần Ong Trung ương</b>	Công ty liên kết		
- Mua hàng hóa dịch vụ		-	259.090.908
- Lãi cho vay trong kỳ		39.198.611	164.305.556
- Thu gốc vay		1.000.000.000	-

39 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Mối quan hệ	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>Số dư giữa Công ty mẹ và Công ty Cổ phần Chứng khoán Vndirect</b>	Công ty liên kết		
- Phải thu khách hàng		517.955.384	7.200.000
- Phải thu về cho vay		-	17.000.000.000
- Phải thu về lãi vay		-	10.416.667
- Người mua trả tiền trước		-	87.756.645.771
<b>Số dư giữa Công ty TNHH MTV Tài chính IPA và Công ty Cổ phần Chứng khoán Vndirect</b>	Công ty liên kết		
- Nhận ký quỹ ký cược		-	500.000.000
- Phải trả phí quản lý danh mục		-	146.329.084
<b>Số dư giữa Công ty Cổ phần Dịch vụ HOMEDIRECT và Công ty Cổ phần Chứng khoán Vndirect</b>	Công ty liên kết		
- Phải thu về tiền mua trái phiếu		-	65.393.216.861
<b>Công ty Cổ phần Ong Trung Ương</b>	Công ty liên kết		
- Phải thu về gốc vay		-	1.000.000.000
- Phải thu về lãi vay		67.004.166	27.805.555
<b>Công ty TNHH Quản lý Đầu tư H&amp;H</b>	Cổ đông lớn		
- Cổ tức phải trả		38.910.300.000	38.910.300.000
<b>Ông Vũ Hiền</b>	Chủ tịch Hội Đồng Quản trị		
- Tạm ứng		417.074.404	318.822.031
Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:			
		6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
- Thu nhập của Ban Giám đốc và HĐQT		150.000.000	150.000.000

41 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC soát xét.

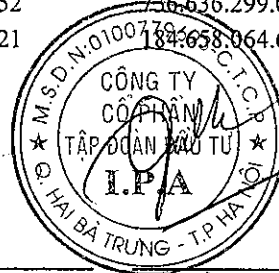
41 . SỐ LIỆU SO SÁNH (tiếp theo)

Một số chỉ tiêu đã được điều phân loại lại để so sánh với số liệu kỳ này:

	Mã số	Phân loại lại	Đã trình bày trên báo cáo kỳ trước
		VND	VND
a) Bảng Cân đối kế toán			
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	736.636.299.015	683.867.514.012
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	184.658.064.620	131.889.279.617

Phan Thị Mến  
Người lập biểu

Phạm Thị Thanh Huệ  
Kế toán trưởng



Vũ Hiền

Chủ tịch Hội đồng quản trị  
Hà Nội, ngày 25 tháng 08 năm 2017

**Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đầu tư I.P.A**

Số 1, phố Nguyễn Thượng Hiền, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến 30/06/2017

**Phụ lục 01 : CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Đầu tư ngắn hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn	6.350.000.000	6.350.000.000	6.350.000.000	6.350.000.000
	<b>6.350.000.000</b>	<b>6.350.000.000</b>	<b>6.350.000.000</b>	<b>6.350.000.000</b>

Tại ngày 30/06/2017, khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng, lãi suất 6,5%/năm tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Thanh Xuân theo Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 01/2016/HĐTGKH-IPA ngày 22/06/2016, hiệu lực từ ngày 22/06/2016 đến 22/06/2017. Hợp đồng được tự động gia hạn thêm 12 tháng nếu đến ngày đáo hạn Công ty không tắt toán khoản tiền gửi.

**b) Chứng khoán kinh doanh**

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Tổng giá trị cổ phiếu	4.014.499.500	-	38.643.486.586	-
+ Tổng Công ty CP Bảo hiểm Bưu Điện - PTI (*)	-	-	33.060.341.600	-
+ Công ty CP Du lịch Bình Định (**)	4.014.499.500	-	4.014.499.500	-
+ Công ty CP Tập đoàn Hòa Phát (*)	-	-	1.568.645.486	-
	<b>4.014.499.500</b>	<b>-</b>	<b>38.643.486.586</b>	<b>-</b>

(\*) Giám do Công ty đã bán Công ty con Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán IPA nên không hợp nhất vào báo cáo tại 30/06/2017

(\*\*) Khoản đầu tư được bán từ Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán IPA (đã bán trong kỳ) cho Công ty con Công ty TNHH Bất động sản ANVIE nên vẫn được hợp nhất vào báo cáo tại 30/06/2017

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

**Phụ lục 01 : CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**c) Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết**

	Nơi thành lập và hoạt động	30/06/2017		01/01/2017	
		Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
		%	%	%	%
					VND
					VND
<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>					
- Công ty CP Chứng khoán Vndirect (i)	Tp. Hà Nội	27,49%	27,49%	26,86%	523.218.425.789
- Công ty CP Ông Trung Ương (ii)	Tp. Hà Nội	16,45%	50,03%	50,03%	39.683.426.746
- Công ty Khoáng sản và Gang thép Kim Sơn (iii)	Tỉnh Bắc Kạn	76,13%	30,00%	30,00%	91.740.800.374
- Công ty CP Dược phẩm ECO (iv)	Tp. Hồ Chí Minh	20,00%	20,00%	20,00%	4.263.595.876
- Công ty CP Giải phát Phần mềm Tài chính (v)	Tp. Hà Nội	35,00%	35,00%	35,00%	6.281.935.281
- Công ty CP Du Lịch Dịch Vụ Hội An	Tỉnh Quảng Nam	20,01%	20,01%	20,01%	54.786.190.699
- Công ty CP Điện Nông Thôn Trà Vinh	Tỉnh Trà Vinh	20,36%	20,36%	20,36%	16.661.924.250
					<u>815.192.542.615</u>
					<u>736.636.299.015</u>

Lí do thay đổi đối với từng khoản đầu tư vào công ty liên kết:

(i) Công ty Cổ phần Chứng khoán Vndirect mua thêm cổ phiếu quỹ, làm tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ tăng lên 0,63%.

(ii) Căn cứ Nghị quyết Hội đồng quản trị số 32/2017/NQ-HĐQT ngày 23/03/2017, Công ty dùng toàn bộ cổ phần của Công ty tại Công ty Cổ phần Ông Trung Ương để góp vốn vào Công ty TNHH Bất động sản ANVIE.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính khác do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Thông tin bổ sung với các khoản đầu tư vào công ty liên kết:

(i) Công ty liên kết gián tiếp thông qua Công ty con là Công ty TNHH MTV Tài Chính IPA.

(iii) Công ty liên kết gián tiếp thông qua Công ty con là Công ty TNHH MTV Tài Chính IPA. Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty TNHH MTV Tài Chính IPA tại Công ty Cổ phần Khoáng Sản và Gang Thép Kim Sơn là 30%. Ngày 22/6/2015 Ban Quản lý các khu công nghiệp Thanh Bình (Bắc Kạn) đã ban hành quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư đối với 02 Dự án Đầu tư xây dựng Khu liên hợp gang thép công suất 250.000 tấn/năm và Dự án Đầu tư xây dựng nhà máy nung tuyển quặng sắt công suất 600.000 tấn/năm của Công ty Cổ phần Khoáng sản và Gang thép Kim Sơn.

**Phụ lục 01 : CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**c) Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết (tiếp theo)**

- (iv) Công ty liên kết gián tiếp thông qua các khoản đầu tư trực tiếp và gián tiếp qua công ty con là Công ty TNHH MTV Tài Chính IPA với tổng tỷ lệ vốn góp là 20,00% vốn điều lệ.
- (v) Công ty liên kết gián tiếp thông qua Công ty con là Công ty Cổ phần Dịch Vụ Homedirect.
- (vi) Công ty liên kết gián tiếp thông qua các khoản đầu tư trực tiếp và gián tiếp qua công ty con là Công ty TNHH MTV Tài Chính IPA với tổng tỷ lệ vốn góp là 20,01% vốn điều lệ.

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty liên doanh, liên kết trong kỳ: Xem Thuyết minh 39.

**d) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác:**

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>				
- Công ty CP Khách sạn Du lịch Đại Dương (i)	34.750.000.000	-	-	-
- Công ty CP Xây dựng và Thương mại Việt (ii)	100.000.000	-	-	-
	<b>34.850.000.000</b>			

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Lí do thay đổi đối với từng khoản đầu tư khác:

- (i) Công ty nhận chuyển nhượng từ cổ đông Công ty CP Khách sạn Du lịch Đại Dương, theo đó tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích của Công ty tại Công ty CP Khách sạn Du lịch Đại Dương là 80%.
- (ii) Được đổi tên từ Công ty CP Cung ứng vật liệu Công trình. Công ty đăng ký góp 71,43% vốn điều lệ Công ty CP Xây dựng và Thương mại Việt. Tại ngày 30/06/2017, tỷ lệ vốn góp thực tế của Công ty là 100%.



**Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đầu tư IPA**

Số 1, phố Nguyễn Thượng Hiền, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến 30/06/2017

**Phụ lục 03 : TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm	TSCĐ vô hình khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ	77.000.000.000	8.808.280.750	557.795.984	86.366.076.734
Số tăng trong kỳ	-	-	-	-
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	77.000.000.000	8.808.280.750	557.795.984	86.366.076.734
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	-	3.694.360.107	557.795.984	4.252.156.091
Số tăng trong kỳ	-	729.972.900	-	729.972.900
- <i>Khấu hao trong kỳ</i>	-	729.972.900	-	729.972.900
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số cuối kỳ	-	4.424.333.007	557.795.984	4.982.128.991
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu kỳ	77.000.000.000	5.113.920.643	-	82.113.920.643
Tại ngày cuối kỳ	77.000.000.000	4.383.947.743	-	81.383.947.743

- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 2.059.951.934 VND.

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đầu tư I.P.A  
Số 1, phố Nguyễn Thượng Hiền, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến 30/06/2017

Phụ lục 04 : **BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**  
Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá

	Quyền sử dụng đất VND	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	43.847.055.000	4.766.274.000	48.613.329.000
Số tăng trong kỳ	-	-	-
Số giảm trong kỳ	(39.309.555.000)	-	(39.309.555.000)
- <i>Góp vốn vào đơn vị khác</i>	(39.309.555.000)	-	(39.309.555.000)
Số dư cuối kỳ	<u>4.537.500.000</u>	<u>4.766.274.000</u>	<u>9.303.774.000</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	-	1.300.445.179	1.300.445.179
Số tăng trong kỳ	-	-	-
Số giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	-	<u>1.300.445.179</u>	<u>1.300.445.179</u>
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu kỳ	43.847.055.000	3.465.828.821	47.312.883.821
Tại ngày cuối kỳ	<u>4.537.500.000</u>	<u>3.465.828.821</u>	<u>8.003.328.821</u>
Chi tiết danh mục bất động sản đầu tư tại 30/06/2017:	Nguyên giá VND	Hao mòn lũy kế VND	Giá trị còn lại VND
Quyền sử dụng đất lâu dài tại Phường Cẩm Châu, Hội An, Quảng Nam	4.537.500.000	-	4.537.500.000
Căn hộ B-0408 tại Cao ốc Manor, 91 Nguyễn Hữu Cánh, quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh	4.766.274.000	1.300.445.179	3.465.828.821
	<u>9.303.774.000</u>	<u>1.300.445.179</u>	<u>8.003.328.821</u>

**Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đầu tư I.P.A**

Số 1, phố Nguyễn Thượng Hiền, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến 30/06/2017

**Phụ lục 05 : LỢI THẾ THƯƠNG MẠI**

	Công ty TNHH MTV Tài chính IPA		Công ty Cổ phần Hòn Ngọc Á Châu		Công ty Cổ phần Năng lượng Bắc Hà		Công ty Cổ phần Cơ khí Ngành In		Tổng Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>										
Số đầu kỳ	68.298.850.000	51.860.000.000	-	-	1.139.840.432	7.247.912.227	-	-	128.546.602.659	-
Lợi thế thương mại tăng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>68.298.850.000</b>	<b>51.860.000.000</b>	-	-	<b>1.139.840.432</b>	<b>7.247.912.227</b>	-	-	<b>128.546.602.659</b>	-
<b>Số đã phân bổ</b>										
Số đầu kỳ	65.742.775.287	48.409.579.604	-	-	814.171.737	724.791.223	-	-	115.691.317.851	-
Phân bổ trong kỳ	1.278.037.357	1.457.142.857	-	-	81.417.174	362.395.612	-	-	3.178.992.999	-
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>67.020.812.644</b>	<b>49.866.722.461</b>	-	-	<b>895.588.911</b>	<b>1.087.186.835</b>	-	-	<b>118.870.310.850</b>	-
<b>Giá trị còn lại</b>										
Số đầu kỳ	2.556.074.713	3.450.420.396	-	-	325.668.695	6.523.121.004	-	-	12.855.284.808	-
Số cuối kỳ	<b>1.278.037.356</b>	<b>1.993.277.539</b>	-	-	<b>244.251.521</b>	<b>6.160.725.393</b>	-	-	<b>9.676.291.809</b>	-



**Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đầu tư I.P.A**

Số 1, phố Nguyễn Thượng Hiền, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến 30/06/2017

**Phụ lục 06 : VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	01/01/2017		Trong kỳ		30/06/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>a) Vay ngắn hạn</b>						
Vay ngắn hạn tổ chức	57.758.182.598	57.758.182.598	253.717.642.747	233.636.492.045	77.839.333.300	77.839.333.300
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân <sup>(1)</sup>	57.758.182.598	57.758.182.598	253.717.642.747	233.636.492.045	77.839.333.300	77.839.333.300
Vay ngắn hạn các cá nhân	5.165.000.000	5.165.000.000	2.870.000.000	-	8.035.000.000	8.035.000.000
- Vay bà Phan Thị Mến <sup>(2)</sup>	1.205.000.000	1.205.000.000	-	-	1.205.000.000	1.205.000.000
- Vay bà Hoàng Thị Hải <sup>(2)</sup>	3.930.000.000	3.930.000.000	2.600.000.000	-	6.530.000.000	6.530.000.000
- Vay ông Lương Văn Chiến <sup>(2)</sup>	30.000.000	30.000.000	10.000.000	-	40.000.000	40.000.000
- Vay bà Dương Thị Bạch Tuyết <sup>(3)</sup>	-	-	260.000.000	-	260.000.000	260.000.000
Trái phiếu phát hành	49.649.305.556	49.649.305.556	350.694.444	50.000.000.000	-	-
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	89.999.840.654	89.999.840.654	549.145.992.683	8.900.000.000	630.245.833.337	630.245.833.337
- Trái phiếu dài hạn đến hạn trả <sup>(3)</sup>	-	-	549.145.833.337	-	549.145.833.337	549.145.833.337
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN Lào Cai <sup>(4)</sup>	89.999.840.654	89.999.840.654	159.346	8.900.000.000	81.100.000.000	81.100.000.000
	<b>202.572.328.808</b>	<b>202.572.328.808</b>	<b>806.084.329.874</b>	<b>292.536.492.045</b>	<b>716.120.166.637</b>	<b>716.120.166.637</b>
<b>b) Vay dài hạn</b>						
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN Lào Cai <sup>(4)</sup>	357.959.840.654	357.959.840.654	-	8.900.000.000	349.059.840.654	349.059.840.654
- Trái phiếu phát hành <sup>(5)</sup>	546.501.388.888	546.501.388.888	200.470.833.336	-	746.972.222.224	746.972.222.224
	<b>904.461.229.542</b>	<b>904.461.229.542</b>	<b>200.470.833.336</b>	<b>8.900.000.000</b>	<b>1.096.032.062.878</b>	<b>1.096.032.062.878</b>
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(89.999.840.654)	(89.999.840.654)	(549.145.992.683)	(8.900.000.000)	(630.245.833.337)	(630.245.833.337)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	<b>814.461.388.888</b>	<b>814.461.388.888</b>			<b>465.786.229.541</b>	<b>465.786.229.541</b>

KH  
A  
CH  
C  
/ 30

**Phụ lục 06 : VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:**

(1) Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác của Công ty như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Hình thức đảm bảo	30/06/2017	01/01/2017
Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam Chi nhánh Thanh Xuân	VND	7%	Quyền đòi nợ (*)	VND 77.839.333.300	VND 57.758.182.598
				<u>77.839.333.300</u>	<u>57.758.182.598</u>

(\*) Là quyền đòi nợ và nhận thanh toán bất kỳ khoản tiền và nghĩa vụ khác mà Tổng Công ty Viễn thông Viettel - CN Tập đoàn viễn thông Quân đội, Công ty dịch vụ Viễn thông, Công ty Cổ phần VTC Dịch vụ di động, Công ty VTC Công nghệ và nội dung số phải thanh toán cho Công ty Cổ phần Dịch vụ Homedirect theo các hợp đồng hợp tác kinh doanh và cung cấp dịch vụ đã ký kết.

(2) Các hợp đồng cho vay giữa Công ty Cổ phần Thực phẩm Homefood với các cá nhân, thời hạn vay 12 tháng; Mục đích vay: bổ sung vốn kinh doanh; Lãi suất vay 0%/năm.

(3) Khoản vay theo Hợp đồng vay vốn số 04-17/CKI-TV ngày 06/06/2017 giữa Công ty Cổ phần Cơ khí ngành in với bà Dương Thị Bạch Tuyết, số tiền vay là 260.000.000 đồng. Mục đích vay là để phục vụ sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay là 01 tháng, lãi suất 0,42%/tháng.

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:**

(4) Khoản vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lào Cai theo Hợp đồng tín dụng số 01/2009/HĐTĐĐT-NHPT PC ngày 07 tháng 8 năm 2009 và các hợp đồng sửa đổi bổ sung kèm theo để thanh toán các chi phí đầu tư, mua sắm, xây dựng và các chi phí hợp lý khác cho việc thực hiện dự án Nhà máy Thủy điện Nậm Phàng do Công ty làm chủ đầu tư.

(5) Trái phiếu phát hành đợt 2, đợt 3, đợt 4 của Công ty Cổ phần Dịch vụ Homedirect. Mục đích phát hành: bổ sung vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Khối lượng đã phát hành là 700.000 trái phiếu. Mệnh giá trái phiếu 1.000.000 đồng/trái phiếu. Thời hạn trái phiếu 2 năm; Lãi suất cố định 10%/năm. Đại lý phát hành: Công ty Cổ phần Chứng khoán Vndirect, tổng chi phí phát hành cho ba đợt này là 4.500.000.000 đồng.

Trái phiếu phát hành đợt 5, đợt 6 của Công ty Cổ phần Dịch vụ Homedirect. Mục đích phát hành: bổ sung vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Khối lượng đã phát hành là 200.000 trái phiếu. Mệnh giá trái phiếu 1.000.000 đồng/trái phiếu. Thời hạn trái phiếu 2 năm; Lãi suất cố định 10%/năm. Đại lý phát hành: Công ty Cổ phần Chứng khoán Vndirect, tổng chi phí phát hành cho hai đợt này là 2.000.000.000 đồng.

TP. H  
S C  
M T O  
M H U  
G T Y  
110

**Công ty Cổ phần Tập Đoàn Dầu tư I.P.A**

Số 1, phố Nguyễn Thượng Hiền, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến 30/06/2017

**Phụ lục 07 : THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	01/01/2017		Trong kỳ		30/06/2017	
	Số phải thu VND	Số phải nộp VND	Số phải nộp VND	Số đã thực nộp VND	Số phải thu VND	Số phải nộp VND
- Thuế Giá trị gia tăng	20.000.921	1.798.744.950	5.592.355.683	3.631.026.477	20.000.921	3.760.851.883
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	16.612.120	1.080.786.126	1.203.365.302	1.435.592.519	839.060	952.468.825
- Thuế Thu nhập cá nhân	-	456.073.345	1.228.138.616	1.285.987.839	-	125.934.049
- Thuế Nhà đất và tiền thuế đất	-	-	2.262.342.853	2.262.342.853	-	-
- Các khoản phải trả phải nộp khác	910.000	780.501.418	2.924.498.431	1.229.483.707	910.000	1.927.297.063
	<b>37.523.041</b>	<b>4.116.105.838</b>	<b>13.210.700.885</b>	<b>9.844.433.395</b>	<b>21.749.981</b>	<b>6.766.551.820</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Phụ lục 08 : BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Vốn khác của Chủ sở hữu		Cổ phiếu quỹ		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		Lợi nhuận chưa phân phối		Lợi ích cổ đông không kiểm soát		Cộng		
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Số dư tại 01/01/2016	600.000.000.000	370.867.003.490	1.602.383.478	(35.861.096.800)	3.990.843.545	786.076.589	95.465.480.242	265.307.896.572	1.302.158.587.116										
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	-	-	-	38.688.357.515	-	7.891.972.725	46.580.330.240									
Lợi ích được hưởng từ công ty liên kết	-	-	-	-	-	-	(15.405.607.881)	-	-	(15.405.607.881)									
Tăng/giảm do thay đổi tỷ lệ	-	-	-	-	-	-	(1.519.923.822)	-	-	1.511.850.493									(8.073.329)
<b>Số dư tại 30/06/2016</b>	<b>600.000.000.000</b>	<b>370.867.003.490</b>	<b>1.602.383.478</b>	<b>(35.861.096.800)</b>	<b>3.990.843.545</b>	<b>786.076.589</b>	<b>117.228.306.054</b>	<b>274.711.719.790</b>	<b>1.333.325.236.146</b>										
Số dư tại 01/01/2017	600.000.000.000	370.867.003.490	3.162.010.340	(35.861.096.800)	7.391.098.794	1.654.476.333	184.658.064.620	282.378.920.090	1.414.250.476.867										
Tăng vốn trong kỳ này (*)	290.982.480.000	(290.982.480.000)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	135.029.052.071	(3.944.509.188)	131.084.542.883										
Giảm do thay đổi tỷ lệ	-	-	-	-	-	-	125.336.035	(125.336.035)	-										
Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	-	-	-	-	(1.175.536.591)	-	(1.175.536.591)										
Ảnh hưởng do chuyển nhượng công ty con	-	-	-	-	(1.067.078.114)	(1.067.078.114)	2.134.156.228	(36.111.659)	(36.111.659)										
Ảnh hưởng do thay đổi tỷ lệ tại công ty liên kết	-	-	-	-	-	-	(1.418.735.036)	-	(1.418.735.036)										

Số dư tại 30/06/2017 890.982.480.000 79.884.523.490 3.162.010.340 (35.861.096.800) 6.324.020.680 587.398.219 319.352.337.326 278.272.963.208 1.542.704.636.463

(\*) Theo Nghị quyết số 87/2016/NQ-HĐQT ngày 12 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng quản trị, thông qua việc phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần theo phương án phát hành cổ phiếu thường với tỷ lệ 50% (có đóng sở hữu mỗi 02 cổ phiếu được quyền nhận 01 cổ phiếu phát hành thêm), nguồn từ thặng dư vốn cổ phần của Công ty. Tổng số cổ phiếu đã phát hành này đã chính thức được lưu hành từ ngày 20/03/2017.

(\*) Công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết thực hiện phân phối lợi nhuận trong kỳ như sau:

	Công ty mẹ		Công ty con, Công ty liên kết		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
	891.313.879	284.222.712	891.313.879	284.222.712	1.175.536.591	1.175.536.591
	<b>891.313.879</b>	<b>284.222.712</b>	<b>891.313.879</b>	<b>284.222.712</b>	<b>1.175.536.591</b>	<b>1.175.536.591</b>

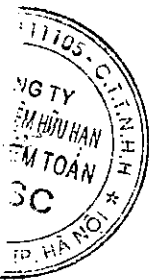
Trích Quỹ Khen thưởng, phúc lợi

TRÁCH  
NHIỆM  
KẾ TÍNH  
KẾ TÍNH

**Phụ lục 09 : BÁO CÁO BỘ PHẬN**

**Theo lĩnh vực kinh doanh**

	Dịch vụ Tài chính		Sản xuất điện thương phẩm		Bất động sản		Các lĩnh vực khác		Tổng cộng các bộ phần		Loại trừ		Tổng cộng toàn doanh nghiệp	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	4.922.472.111	40.488.340.209	-	995.488.339.272	1.040.899.151.592	(192.572.727)	1.040.706.578.865							
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>8.776.586.428</b>	<b>13.755.879.788</b>	<b>-</b>	<b>1.859.528.996</b>	<b>24.391.995.212</b>	<b>-</b>	<b>24.391.995.212</b>							
<b>Tổng chi phí mua TSCĐ</b>														4.898.504.891
Tài sản bộ phận	1.666.702.454.279	809.530.100.908	286.068.606.383	976.537.474.941	3.738.838.636.511	(867.887.154.850)	2.870.951.481.661							
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	-	9.676.291.809							9.676.291.809
<b>Tổng tài sản</b>	<b>1.666.702.454.279</b>	<b>809.530.100.908</b>	<b>286.068.606.383</b>	<b>976.537.474.941</b>	<b>3.738.838.636.511</b>	<b>(858.210.863.041)</b>	<b>2.880.627.773.470</b>							
Nợ phải trả của các bộ	79.737.768.271	369.226.733.025	424.801.337	911.726.372.941	1.361.115.675.574	(33.637.186.521)	1.327.478.489.053							
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	5.726.275.817	-	5.726.275.817							
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>79.737.768.271</b>	<b>369.226.733.025</b>	<b>424.801.337</b>	<b>911.726.372.941</b>	<b>1.366.841.951.391</b>	<b>(33.637.186.521)</b>	<b>1.333.204.764.870</b>							





**Phụ lục 10 : BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Theo khu vực địa lý

	Lào Cai	Hà Nội	Hồ Chí Minh	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	40.488.340.209	996.573.823.066	3.644.415.590	1.040.706.578.865
Tài sản bộ phận	809.530.100.908	2.059.809.265.944	1.612.114.809	2.870.951.481.661
Tổng chi phí mua TSCĐ	4.898.504.891	-	-	4.898.504.891